

Số: 3094 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 25 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của
Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 2701/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới; sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu công nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp tại Tờ trình số 43/TTr-KCNĐN ngày 14/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này các quy trình điện tử được ban hành mới; quy trình điện tử được sửa đổi và quy trình điện tử bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai.

Trong đó: Ban hành mới 07 quy trình điện tử; sửa đổi 01 quy trình điện tử (quy trình số 40) và bãi bỏ 02 quy trình điện tử (quy trình số 30, 31) đã được ban hành tại Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai (danh mục và quy trình đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; các nội dung khác tại Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Ban Quản lý các Khu công nghiệp cập nhật quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính đã được công bố lên Phần mềm một cửa điện tử của tỉnh (Egov).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Trung tâm hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, KGVX, HCC.



Cao Tiên Dũng



Quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3094/QĐ-UBND ngày 25/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI
I	Lĩnh vực xây dựng
1	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính, trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
2	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính, trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
3	Cấp giấy phép di dời công trình đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính, trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
4	Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính, trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
5	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính, trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
6	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính, trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
II	Lĩnh vực quản lý chất lượng công trình

1	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI
	Lĩnh vực môi trường
1	Đăng ký/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường
C	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
	Lĩnh vực xây dựng
1	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng (Giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong khu công nghiệp (trừ công trình cấp đặc biệt).
2	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Phần II

QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI

I. LĨNH VỰC XÂY DỰNG

1. Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính, trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

a) Thời hạn giải quyết: 12 (mười hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (12 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân (đối với trạm BTS)	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh	Bộ phận giao, nhận Hồ sơ	0,5 ngày
Giải quyết hồ sơ <i>Thẩm định hồ sơ</i> <i>Kiểm tra thực địa</i> <i>Có ý kiến về tình trạng hồ sơ: hoàn thiện bổ sung hồ sơ lần 01 hoặc không giải quyết hồ sơ (nếu có)</i>	Phòng Quản lý Quy hoạch Xây dựng, Văn phòng Đại diện Ban Quản lý các KCN (nút dừng)	07 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng QL QHXD	1,5 ngày
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Ban	1,5 ngày
Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận giao, nhận Hồ sơ	0,5 ngày
Nhận và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công	0,5 ngày

2. Thủ tục cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính, trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

a) Thời hạn giải quyết: 12 (mười hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (12 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân (đối với trạm BTS)	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh	Bộ phận giao, nhận Hồ sơ	0,5 ngày
Giải quyết hồ sơ <i>Thẩm định hồ sơ</i> <i>Kiểm tra thực địa</i> <i>Có ý kiến về tình trạng hồ sơ: hoàn thiện bổ sung hồ sơ lần 01 hoặc không giải quyết hồ sơ (nếu có)</i>	Phòng Quản lý Quy hoạch Xây dựng, Văn phòng Đại diện Ban Quản lý các KCN (nút dừng)	- 07 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng QL QHXD	1,5 ngày
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Ban	1,5 ngày
Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận giao, nhận Hồ sơ	0,5 ngày
Nhận và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công	0,5 ngày

3. Thủ tục cấp giấy phép di dời công trình đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính, trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

a) Thời hạn giải quyết: 12 (mười hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (12 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân (đối với trạm BTS)	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh	Bộ phận giao, nhận Hồ sơ	0,5 ngày
Giải quyết hồ sơ <i>Thẩm định hồ sơ</i> <i>Kiểm tra thực địa</i> <i>Có ý kiến về tình trạng hồ sơ: hoàn thiện</i> <i>bổ sung hồ sơ lần 01 hoặc không giải</i> <i>quyết hồ sơ (nếu có)</i>	Phòng Quản lý Quy hoạch Xây dựng, Văn phòng Đại diện Ban Quản lý các KCN (nút dừng)	07 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng QL QHXD	1,5 ngày
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Ban	1,5 ngày
Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận giao, nhận Hồ sơ	0,5 ngày
Nhận và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công	0,5 ngày

4. Thủ tục điều chỉnh GPXD đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính, trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

a) Thời hạn giải quyết: 12 (mười hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (12 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân (đối với trạm BTS)	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh	Bộ phận giao, nhận Hồ sơ	0,5 ngày
Giải quyết hồ sơ <i>Thẩm định hồ sơ</i> <i>Kiểm tra thực địa</i> <i>Có ý kiến về tình trạng hồ sơ: hoàn thiện</i> <i>bổ sung hồ sơ lần 01 hoặc không giải</i> <i>quyết hồ sơ (nếu có)</i>	Phòng Quản lý Quy hoạch Xây dựng, Văn phòng Đại diện Ban Quản lý các KCN (nút dừng)	07 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng QL QHXD	1,5 ngày
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Ban	1,5 ngày
Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận giao, nhận Hồ sơ	0,5 ngày
Nhận và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công	0,5 ngày

5. Thủ tục gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính, trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

a) Thời hạn giải quyết: 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (04 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh	Bộ phận giao, nhận Hồ sơ	0,5 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý Quy hoạch Xây dựng	01 ngày
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo ban	01 ngày
Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận giao, nhận Hồ sơ	0,5 ngày
Nhận và trả kết quả cho tổ chức	Trung tâm hành chính công	0,5 ngày

6. Thủ tục cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính, trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

a) Thời hạn giải quyết: 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (04 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh	Bộ phận giao, nhận Hồ sơ	0,5 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý Quy hoạch Xây dựng	01 ngày
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo ban	01 ngày
Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận giao, nhận Hồ sơ	0,5 ngày
Nhận và trả kết quả cho tổ chức	Trung tâm hành chính công	0,5 ngày

II. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH

1. Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

a) Thời hạn giải quyết thủ tục: Không quá 10 (mười) ngày kể từ khi chủ đầu tư gửi biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với công trình khởi công từ 01/7/2015), báo cáo khắc phục tồn tại (nếu có) đến Ban Quản lý các KCN thông qua Trung tâm Hành chính công tỉnh Đồng Nai.

b) Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (10 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh	Bộ phận giao, nhận Hồ sơ	0,5 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý Quy hoạch Xây dựng	06 ngày
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo ban	02 ngày
Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận giao, nhận Hồ sơ	0,5 ngày
Nhận và trả kết quả cho tổ chức	Trung tâm hành chính công	0,5 ngày

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

1. Thủ tục Đăng ký/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường

a) Thời hạn giải quyết: Thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (10 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5 ngày
↓		
Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh	Bộ phận giao, nhận hồ sơ của Ban Quản lý các KCN	0,5 ngày
↓		
Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường (nút dừng chờ DN bổ sung, chỉnh sửa)	07 ngày
↓		
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Ban Quản lý các KCN	01 ngày
↓		
Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận giao, nhận hồ sơ của Ban Quản lý các KCN	0,5 ngày
↓		
Nhận và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5 ngày